
NGHIÊN CỨU

Kinh tế thế giới và Việt Nam năm 2016, triển vọng năm 2017 và một số gợi ý chính sách cho Việt Nam

Nguyễn Hồng Sơn*, Nguyễn Cẩm Nhung,
Vũ Thanh Hương, Nguyễn Thị Minh Phương

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Bài viết cung cấp một “bức tranh” toàn cảnh về tình hình kinh tế vĩ mô của thế giới và Việt Nam năm 2016 và dự báo triển vọng năm 2017, từ đó đưa ra một số gợi ý về giải pháp chính sách cho Việt Nam. Với những diễn biến khó lường của kinh tế toàn cầu và những khó khăn đang phải đối mặt trong nước, Việt Nam cần có những giải pháp ứng phó linh hoạt, đặc biệt là giải pháp cho điều hành tỷ giá, quyết tâm cao và hành động quyết liệt trên thực tế để có thể thực hiện được các mục tiêu về tăng trưởng và lạm phát như đã đề ra; tiếp tục đẩy mạnh việc hoàn thiện môi trường kinh doanh và thực hiện mạnh mẽ các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng minh bạch và bình đẳng hơn; đẩy mạnh các hoạt động thuận lợi hóa thương mại và tận dụng cơ hội mới để thu hút vốn đầu tư nước ngoài cho xây dựng cơ sở hạ tầng; các doanh nghiệp cần đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu, giảm bớt sự phụ thuộc vào Trung Quốc và các nước Đông Á, tập trung vào thị trường EU, tìm hiểu để thâm nhập các thị trường ngách trong EU và kết nối thương mại với các nước đối tác FTA của EU. Bên cạnh đó, cũng cần tính đến việc xây dựng các chính sách ngành tích cực hơn nhằm tận dụng những cơ hội phát triển mới của nền kinh tế thế giới.

Nhận ngày 01 tháng 12 năm 2016, Chỉnh sửa ngày 6 tháng 12 năm 2016, Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 12 năm 2016

Từ khóa: Tăng trưởng, lạm phát, tiền tệ, thương mại, đầu tư.

1. Tổng quan kinh tế thế giới năm 2016

1.1. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Kinh tế thế giới năm 2016 vẫn chưa thoát khỏi “quỹ đạo tăng trưởng thấp kéo dài” (IMF, 2016) do tiếp tục phải chịu nhiều áp lực từ biến động về giá dầu, giảm tốc độ tăng trưởng của một số nền kinh tế mới nổi, sự sụt giảm thương mại và đầu tư toàn cầu, căng thẳng khu vực; cùng các vấn đề mới như làn sóng di cư, khủng

bổ, sự kiện Brexit (người dân Anh bỏ phiếu rời khỏi EU vào ngày 24/6/2016), và cuộc bầu cử Tổng thống gây chia rẽ nhất lịch sử Mỹ. Tăng trưởng toàn cầu ước đạt 3,1% năm 2016, thấp hơn 0,1% so với năm 2015 và thấp hơn 0,2% so với năm 2014. Trong đó, nền kinh tế Mỹ vẫn là điểm sáng của nền kinh tế thế giới dù tăng trưởng của nước này yếu hơn so với năm 2015. Nhật Bản và Châu Âu vẫn nằm trong thời kỳ lãi suất âm. Những dự báo của các tổ chức quốc tế như WB và IMF đều có xu hướng hạ dần mức dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu cho năm 2016 và chưa có nhiều tín hiệu tích cực cho năm tiếp theo [1].

* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-4-37546765
Email: nhson@vnu.edu.vn

Bảng 1. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2014-2016

% GDP	IMF				WB			
	2014	2015	2016	2017	2014	2015	2016	2017
Thế giới	3,3	3,2	3,1	3,4	2,6	2,4	2,4	2,8
Các nền kinh tế phát triển	1,8	2,1	1,6	1,8	1,8	1,8	1,7	1,9
Mỹ	2,4	2,6	1,6	1,8	2,4	2,4	1,9	2,2
Nhật Bản	0,1	0,5	0,5	0,6	0,2	0,6	0,5	0,5
Châu Âu	0,8	2,0	1,7	1,5	0,8	1,6	1,6	1,6
Đức	1,6	1,5	1,7	1,4	n.a	n.a	n.a	n.a
Pháp	0,4	1,3	1,3	1,3	n.a	n.a	n.a	n.a
Tây Ban Nha	1,4	3,2	3,1	2,2	n.a	n.a	n.a	n.a
Ý	-0,4	0,8	0,8	0,9	n.a	n.a	n.a	n.a
Các nền kinh tế đang phát triển	4,4	4,0	4,2	4,6	4,5	3,4	3,5	4,4
Trung Quốc	7,3	6,9	6,7	6,2	7,4	6,9	6,7	6,5
Ấn Độ	5,8	7,6	7,6	7,6	7,2	7,6	7,6	7,7
Nga	0,7	-3,7	-0,8	1,1	0,7	-3,7	-1,2	1,4
ASEAN-5	4,5	5,0	4,9	4,9	4,8	5,0	4,9	4,9

Ghi chú: ASEAN-5 gồm Indonesia, Malaysia, Phillipinese, Thái Lan, Việt Nam

Nguồn: IMF (1/2015, 10/2016), WB (2015, 2016).

Tại Mỹ, tốc độ tăng trưởng kinh tế quý I/2016 đạt 1,6%, giảm so với mức 2,4% cùng kỳ năm 2015. Tăng trưởng quý II/2016 chỉ đạt 1,2%, thấp hơn nhiều so với mức dự báo 2,6% trước đó. Kinh tế Mỹ tăng trưởng ở mức 1,6% trong quý III và dự kiến 1,9% trong quý IV. Những dấu hiệu cải thiện gần đây về nhịp độ hoạt động kinh tế như chỉ tiêu của người tiêu dùng gia tăng, tăng trưởng việc làm vững chắc, tiền lương và thu nhập tăng đã chỉ ra rằng tác động tiêu cực của việc đồng USD tăng giá so với hầu hết các đồng tiền chủ chốt khác và giảm đầu tư vào lĩnh vực năng lượng đang mờ dần.

Tăng trưởng của Châu Âu, sau khi phục hồi tốt trong quý I/2016, lại giảm nhẹ xuống còn 0,3% vào quý II, quý III thấp hơn so với dự kiến do bị tác động nhẹ bởi sự sụt giảm nhu cầu nhập khẩu từ Vương quốc Anh trong bối cảnh hậu Brexit đã góp phần làm giảm tốc độ tăng trưởng xuất khẩu khu vực EU. Tuy nhiên, nhờ tiếp tục có sự hỗ trợ từ chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) cam

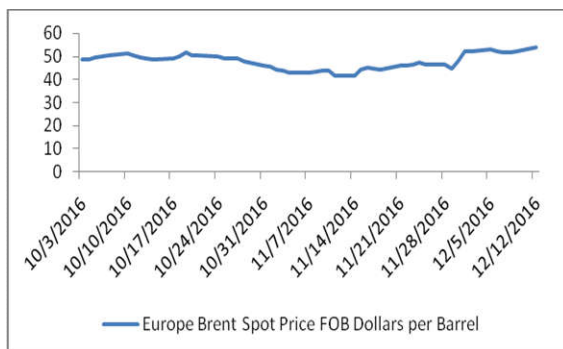
kết duy trì đến cuối năm 2016, thị trường lao động được cải thiện và chính sách tài khóa ít khắc khổ hơn tạo động lực cho GDP không sụt giảm mạnh trong bối cảnh còn nhiều rủi ro về chính trị.

Tại Nhật Bản, trong 6 tháng đầu năm, nền kinh tế tiếp tục đối diện với nhiều thách thức và phục hồi không vững chắc. Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nhật Bản (quý so với quý) đạt 0,5% trong quý I/2016, tăng so với mức âm 0,4% quý IV/2015 do tiêu dùng Chính phủ và xuất khẩu đều tăng. Tuy nhiên, đây là kết quả đạt được dưới mức dự báo ban đầu khoảng 0,7%. Sự sụt giảm tăng trưởng này được cho là do tăng trưởng tiền lương chậm, tiêu dùng cá nhân yếu và đồng Yên tăng cao trong suốt 9 tháng đầu năm. Thủ tướng Shinzo Abe đã nỗ lực mở rộng tài khóa cho năm tới nhằm tái khởi động kích thích tăng trưởng. Mặc dù vậy, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) vẫn phải hạ dự báo tăng trưởng GDP của nước này từ 0,8% xuống 0,6% trong năm tài chính 2016.

Tăng trưởng trong 3 quý đầu năm của *Trung Quốc* duy trì ở mức bằng nhau và đạt 6,7%. Với đà tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế *Trung Quốc*, GDP năm 2016 dự báo đạt 6,7%, giảm so với mức 6,98% năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu do xuất khẩu *Trung Quốc* không tăng trưởng tốt bởi hai thị trường xuất khẩu lớn của *Trung Quốc* gồm châu Âu và Nhật Bản đều đang gặp những vấn đề về kinh tế nên tiêu dùng tăng trưởng yếu. Để kích thích tăng trưởng, trong vài tháng qua, *Trung Quốc* đã phải tăng mạnh chi tiêu chính phủ và tung ra các gói cho vay lớn của ngân hàng, khiến cho nợ ngày càng tăng cao. Điều này cho thấy các nhà hoạch định chính sách vẫn chọn cách thúc đẩy tăng trưởng dựa trên vay nợ hơn là cải cách, như vậy sẽ không bền vững.

1.2. Giá cả toàn cầu

Năm 2016 chứng kiến nhiều diễn biến phức tạp về giá cả dầu thô thế giới. Từ tháng 2 đến tháng 6/2016, giá dầu thô tăng mạnh từ 30,32 USD/thùng lên tới 48,76 USD/thùng. Ngày 30/11/2016, thỏa thuận cắt giảm sản lượng dầu mỏ của OPEC đã đạt được. Theo đó, từ năm 2017, OPEC sẽ giảm sản lượng dầu mỏ 1,2 triệu thùng/ngày. Các nước không phải là thành viên OPEC cũng sẽ giảm khai thác 600.000 thùng mỗi ngày, trong đó 50% thuộc trách nhiệm của Nga. Với cam kết như vậy, giá dầu thô ngọt nhẹ Mỹ giao tháng 1/2017 tăng 4,21 USD (9,3%), lên 49,44 USD/thùng.



Hình 1. Giá dầu thô giao ngay thế giới, ngày 3/10/2016-12/12/2016.

Nguồn: IEA.

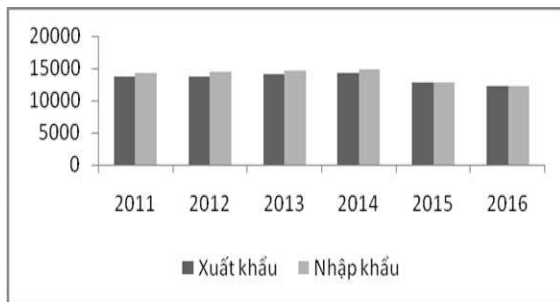
Cùng xu hướng tăng giá dầu thô vào những tháng cuối năm, giá kim loại cũng có sự phục hồi nhưng vẫn giữ ở mức thấp do tình trạng dư cung và công suất sản xuất không giảm (WB, 2016). Giá cả các hàng hóa tăng nhẹ đẩy lạm phát toàn cầu nhích lên 3,4% trong năm 2016. Tại Mỹ, từ tháng 8 đến nay, khi giá dầu thô thế giới tăng, tỷ lệ lạm phát đã tăng dần từ 1,1% đến 1,5% trong tháng 9 và đạt 1,6% trong tháng 10/2016¹. Cục Dự trữ Liên bang (FED) từng cho biết lạm phát và việc làm là hai thước đo quan trọng để cơ quan này quyết định thời điểm nâng lãi suất.

1.3. Thương mại toàn cầu giảm sút

Năm 2016 tiếp tục là một năm không thành công của hoạt động thương mại toàn cầu. Tính đến hết tháng 10/2016, giá trị thương mại toàn cầu giảm mạnh xuống mức thấp nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Cụ thể, đến tháng 10/2016, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu toàn cầu đạt 24.488 tỷ USD, giảm 1.044 tỷ USD (tương đương 4,09 %) so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, xuất khẩu đạt 12.175 tỷ USD (giảm 512 tỷ USD tương đương 4,04%); nhập khẩu đạt 12.313 tỷ USD (giảm 532 tỷ USD tương đương 4,14%) (Hình 2).

Thương mại toàn cầu giảm sút trong năm 2016 xuất phát từ nhiều yếu tố liên quan đến sự trì trệ của nền kinh tế thế giới gồm: (1) Sự phát triển không mấy khả quan của nền kinh tế toàn cầu là một trong những yếu tố chủ yếu làm thương mại giảm sút về tốc độ tăng trưởng; (2) Giá cả hàng hóa vẫn giữ ở mức thấp do sự dư thừa nguồn cung cũng như nhu cầu yếu; (3) Sự gia tăng của các biện pháp hạn chế thương mại làm gia tăng những bất ổn trong thương mại quốc tế; (4) Sự sụt giảm nhu cầu nhập khẩu từ khu vực EU, Nhật Bản, và sụt giảm khả năng xuất khẩu của *Trung Quốc*.

¹ Số liệu từ <http://www.tradingeconomics.com/united-states/inflation-cpi>



Hình 2. Thương mại toàn cầu 10 tháng đầu năm, giai đoạn 2011-2016.
Nguồn: WTO, 2016°

1.4. Đầu tư toàn cầu giảm

Sau khi phục hồi mạnh năm 2015, dòng vốn đầu tư quốc tế đã giảm trong năm 2016. Theo OECD (10/2016), vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) toàn cầu trong nửa năm 2016 giảm 5%. Dòng vốn không ổn định, đạt 513 tỷ USD trong quý I/2016 và giảm xuống 279 USD trong quý II/2016. Trong nửa cuối năm 2016, môi trường kinh tế toàn cầu trở nên kém thuận lợi và khó dự báo hơn sau sự kiện Brexit và bầu cử Tổng thống Mỹ, tác động tiêu cực đến tâm lý giới đầu tư, xuất hiện tâm lý co lại, hướng nội hoặc tìm nơi trú ẩn an toàn thay vì đi tìm nơi đầu tư. Ngoài lý do trên, đầu tư toàn cầu suy yếu còn do triển vọng kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, sức mua thấp cùng với dư thừa năng lực công suất trong nhiều ngành đã không tạo được động lực tăng đầu tư.

1.5. Biến động tỷ giá phức tạp

Trong 6 tháng đầu năm 2016, nhiều đồng tiền liên tục tăng giá so với USD như đồng Yên Nhật, đôla Canada, đồng Nhân dân tệ. Tuy nhiên, sang 6 tháng cuối năm, đặc biệt là hậu Brexit và trong quý IV/2016, USD có xu hướng tăng giá so với hầu hết các đồng tiền của các nền kinh tế chủ chốt. Sau khi FED quyết định tăng lãi suất vào ngày 15/12/2016, đồng Euro tiếp tục giảm xuống mức 1 Euro đổi được 1,0468 USD. Đáng chú ý hơn, đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc đã rơi xuống mức thấp nhất trong vòng hơn 8 năm khi Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) đặt tỷ giá tham chiếu ở mức 6,9289 Nhân dân tệ đổi 1 USD vào ngày 15/12/2016.

1.6. Chính sách nới lỏng tiền tệ tại các nền kinh tế chủ chốt

Dù đã nhiều lần cân nhắc nâng lãi suất (tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 11/2016), nhưng FED đã quyết định để chính sách lãi suất “án binh bất động” nhằm tránh gây ảnh hưởng tới quá trình phục hồi kinh tế vốn đã khá mong manh. Tuy nhiên, khi quý 4 sắp kết thúc với lạm phát đạt khoảng 1,6% (gần đến mục tiêu 2%) và tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống 5%, FED đã quyết định tăng lãi suất vào ngày 15/12/2016, với mức tăng là 0,25%. Tại Châu Âu, ngày 10/3/2016, ECB quyết định mở rộng quy mô chương trình mua tài sản lên 80 tỷ Euro/tháng (tương đương khoảng 90 tỷ USD) từ mức 60 tỷ Euro và sẽ kéo dài cho tới ít nhất là tháng 3/2017. Chương trình kích thích tiền tệ bao gồm lãi suất thấp, lãi suất cho vay liên ngân hàng thấp và chương trình mua trái phiếu trị giá nghìn tỷ Euro với kỳ vọng thúc đẩy tăng trưởng của khu vực Châu Âu thêm 0,6% và lạm phát thêm 0,4% trong năm 2016. Lãi suất dành cho các công cụ tiền gửi thường xuyên là -0,4%. Lãi suất đối với các công cụ cho vay là 0,25%. Lãi suất cho vay liên ngân hàng là 0%. Đến ngày 8/12/2016, ECB quyết định tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất tham chiếu này. Tuy nhiên, chương trình này sẽ được gia hạn đến ít nhất là tháng 12/2017, với tốc độ 60 tỷ Euro một tháng, bắt đầu từ tháng 4/2017. Tại Nhật Bản, tháng 1/2016, BOJ đã khiến các thị trường choáng váng với quyết định hạ lãi suất tiền gửi xuống mức -0,1% với hiệu lực kể từ tháng 2 và được duy trì đến nay. Sau sự kiện Brexit, Chính phủ Nhật càng khó khăn hơn khi đồng Yên tiếp tục tăng giá. Ngày 2/8/2016, Thủ tướng Shinzo Abe đã phê duyệt gói kích thích kinh tế trị giá 28 nghìn tỷ Yên (265 tỷ USD), trong đó 7,5 nghìn tỷ Yên dành cho chi tiêu mới. Trong khi đó, tại Trung Quốc, PBOC giữ nguyên lãi suất trong suốt hơn 1 năm qua và thay vào đó sử dụng những công cụ mới trên thị trường mở để điều chỉnh chính sách. Trung Quốc bổ sung những quy định mới kiểm soát dòng tiền chảy vào và đi ra khỏi

biên giới như hoãn một số vụ thu tóm của nước ngoài hay tăng các rào cản hành chính ngăn người dân mang tiền ra khỏi biên giới.

2. Kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2016

2.1. Tăng trưởng kinh tế

GDP 9 tháng đầu năm tăng 5,93%, thấp hơn cùng kỳ năm trước (6,53%), nhưng quý III vẫn đạt 6,4% cao hơn so với tốc độ tăng của quý II (5,78%) và quý III (5,48%). Trong 2 tháng 10 và 11, các ngành kinh tế như sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo đã có sự phục hồi, đầu tư FDI và phát triển dịch vụ có xu hướng tăng, cùng đà tăng trưởng xuất khẩu đã là các nhân tố hỗ trợ cho tăng trưởng GDP năm 2016 có khả năng đạt được 6,3-6,5%.

2.2. Hoạt động thương mại

Trong 11 tháng đầu năm 2016, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt hơn 316,9 tỷ USD, tăng 5,8%, tương ứng tăng hơn 17,25 tỷ USD so với cùng kỳ năm 2015 (Tổng cục Hải quan, 2016a, 2016b, 2016c, 2016d). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt gần 159,94 tỷ USD, tăng 7,8% (tương ứng tăng 11,61 tỷ USD) và kim ngạch nhập khẩu đạt hơn 156,96 tỷ USD, tăng 3,7% (tương ứng tăng 5,64 tỷ USD) so với cùng kỳ năm 2015. Tính đến hết tháng 11/2016, cán cân thương mại thặng dư gần 2,98 tỷ USD. Tuy nhiên, doanh nghiệp FDI vẫn là động lực chính trong xuất khẩu, góp phần chủ yếu vào thặng dư thương mại của Việt Nam. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp FDI đạt hơn 205,2 tỷ USD (tăng 7,4%, tương ứng tăng gần 14,15 tỷ USD so với cùng kỳ năm ngoái), chiếm 64,8% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước. Các doanh nghiệp FDI đạt xuất siêu 19,7 tỷ USD; trong khi các doanh nghiệp nội địa nhập siêu gần 16,72 tỷ USD.

Cơ cấu xuất khẩu theo nhóm hàng vẫn tập trung vào các nhóm hàng thâm dụng lao động kỹ năng thấp, dựa vào khai thác tài nguyên và

thực hiện hoạt động gia công nên giá trị gia tăng thấp. Cơ cấu nhập khẩu theo nhóm hàng tập trung vào các máy móc thiết bị, linh kiện và nguyên vật liệu phục vụ cho xuất khẩu. Điều đó phần nào cho thấy Việt Nam ngày càng tham gia tích cực vào chuỗi giá trị toàn cầu trong ngành máy móc thiết bị điện, điện tử và cơ khí. Tuy nhiên, điều này cũng phản ánh sự yếu kém của các ngành sản xuất nước ta, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp phụ trợ (như dệt may, điện tử, giày dép...).

Về cơ cấu xuất nhập khẩu theo thị trường, Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào thương mại với Trung Quốc. Trung Quốc vẫn là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam với tổng kim ngạch thương mại đạt 64,66 tỷ USD trong 11 tháng đầu năm 2016. Sau Trung Quốc là Mỹ (tổng kim ngạch 42,62 tỷ USD), Hàn Quốc (39,29 tỷ USD), Nhật Bản (33,19 tỷ USD), Đài Loan (12,23 tỷ USD), Thái Lan (11,21 tỷ USD), Đức (7,95 tỷ USD)... Về cán cân thương mại theo thị trường, thâm hụt với Trung Quốc và Hàn Quốc vẫn lớn nhất. Trong những đối tác thương mại lớn nhất kể trên, chỉ duy nhất có Mỹ và Đức là đối tác Việt Nam có thặng dư thương mại (mức thặng dư lần lượt đạt 27,06 tỷ USD và 2,84 tỷ USD).

2.3. Hoạt động đầu tư

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện 9 tháng đầu năm 2016 theo giá hiện hành ước tính đạt 1006,9 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 33,1% GDP [12]. Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016, trong quý III và quý IV, các Bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai, thực hiện Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ, tập trung rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp lý; đẩy nhanh việc đền bù, giải phóng mặt bằng; chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn. Kết quả là tình hình thực hiện vốn đầu tư từ NSNN trong quý III và quý IV đạt khá hơn những tháng đầu năm.

Theo số liệu của Cục Đầu tư Nước ngoài [13], từ đầu năm đến ngày 20/11/2016, cả nước có 2.240 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt khoảng 13,028 tỷ USD, tăng 20,8% về số dự án và giảm 3,9% về vốn đăng ký đăng ký so với cùng kỳ năm 2015. Bên cạnh đó, có 1.075 lượt dự án đăng ký, tăng vốn đầu tư thêm tổng cộng khoảng 5,075 tỷ USD. Tính chung trong 11 tháng đầu năm 2016, tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng thêm là 18,103 tỷ USD, giảm 10,5% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 11 tháng tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2015, ước tính đạt 14,3 tỷ USD.

Theo lĩnh vực đầu tư, trong 11 tháng đầu năm 2016, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 19 lĩnh vực, trong đó tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, bất động sản và hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ. Theo đối tác đầu tư, 11 tháng đầu năm 2016 có 68 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư tại Việt Nam, dẫn đầu là Hàn Quốc, tiếp đó là Singapore và Nhật Bản, với tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng thêm đạt 1,95 tỷ USD, chiếm 10,8% tổng vốn đầu tư. Các dự án FDI lớn trong 11 tháng đầu năm 2016 tập trung trong điện tử và năng lượng - các lĩnh vực được Việt Nam ưu tiên phát triển, phù hợp với chương trình tái cơ cấu kinh tế trong thời gian qua

2.4. Lạm phát có xu hướng gia tăng

Theo thống kê của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) hàng tháng so với cùng kỳ liên tục tăng kể từ tháng 11/2015, song đã dừng tăng trong tháng 7/2016 ở mức tăng 2,48% so với đầu năm. Trong những tháng cuối năm, chỉ số CPI tăng mạnh trở lại và trong tháng 11/2016 tăng 0,48% so với tháng 10. Nhìn chung, CPI trong 11 tháng đầu năm tăng 4,52% so với cùng kỳ năm 2015, mức tăng cao nhất trong 3 năm trở lại đây, nhưng đây vẫn là mức thấp hơn so với chỉ tiêu 5% mà Quốc hội đã đề ra [14]. Có thể nói, với

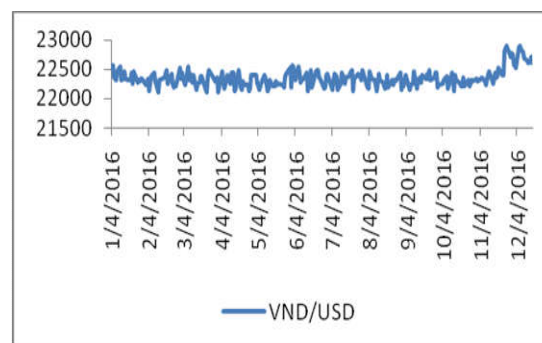
địa vị còn lại khá hạn hẹp, cần phải cố gắng kiểm soát để con số này tăng không quá 0,5% trong tháng cuối năm này.

2.5. Mặt bằng lãi suất cho vay tương đối ổn định

Lãi suất cho vay ổn định phổ biến trên thị trường ở mức 6-9%/năm đối với kỳ hạn ngắn và 9-11%/năm đối với trung và dài hạn. Theo báo cáo của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, đến cuối tháng 8/2016, vốn huy động của các tổ chức tín dụng tăng khoảng 11% so với đầu năm nhưng tín dụng chỉ tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước và chưa có dấu hiệu bứt phá trong quý III/2016. Tuy nhiên, do lạm phát có chiều hướng tăng trong quý IV năm 2016 và FED tăng lãi suất ngày 15/12/2016 nên đã có nhiều áp lực tăng lãi suất huy động và cho vay bằng VND. Ngoài ra, cuối năm là thời điểm vào mùa hoạt động kinh doanh, nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp lên cao khiến ngân hàng “khát” vốn. Do đó, các ngân hàng buộc phải đưa ra các chính sách lãi suất huy động hấp dẫn để thu hút nguồn vốn từ phía người dân.

2.6. Diễn biến tỷ giá hối đoái

Trong năm 2016, tỷ giá VND/USD khá ổn định, biến động xung quanh mức 22.340. Đến ngày 25/11/2016, tỷ giá bất ngờ tăng lên 22.905 và VND có xu hướng mất giá. Đây là xu hướng chung do USD tăng giá so với hầu hết các đồng tiền của nền kinh tế chủ chốt.



Hình 3. Biến động tỷ giá hối đoái giữa VND so với USD từ ngày 1/1/2016 đến 20/12/2016.

Nguồn: Pacific Exchange Rate Service

Trong 9 tháng đầu năm 2016, VND liên tục mất giá so với đồng Yên và đồng Euro, điều này gây bất lợi cho các doanh nghiệp nhập khẩu từ Nhật Bản và khu vực EU khi sử dụng hai đồng tiền này để thanh toán hóa đơn cho các hợp đồng ngoại. Tuy nhiên, xu hướng này đã đảo ngược trong quý IV, khi VND lại tăng giá so với đồng Yên và Euro. Với xu hướng này, nợ nước ngoài của Chính phủ đối với các khoản vay bằng đồng Yên và Euro sẽ không phải chịu nhiều áp lực về biến động tỷ giá. Mặc dù vậy, các công ty xuất khẩu hàng hóa sang Nhật Bản và EU sẽ gặp bất lợi bởi sự tăng giá VND.

2.7. Nợ công và thâm hụt ngân sách

Nợ công ngày càng trở thành thách thức đối với chính sách vĩ mô của Việt Nam. Thâm hụt ngân sách là một nguyên nhân dẫn đến tốc độ nợ công gia tăng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 11 tháng năm 2016, ngân sách quốc gia bội chi khoảng 171.900 tỷ đồng, tương ứng gần 7,6 tỷ USD. Theo kế hoạch thu chi ngân sách năm 2016 đã được phê duyệt, mục tiêu thu ngân sách cả năm là 1.050.400 tỷ đồng, chi ngân sách là 1.273.200 tỷ đồng [15]. Như vậy, với kết quả thực hiện 11 tháng, để đạt được mục tiêu đề ra, việc thu ngân sách cần phải tăng tốc trong tháng cuối cùng của năm 2016.

2.8. Đánh giá chung

Như vậy, năm 2016, tăng trưởng kinh tế Việt Nam dự kiến đạt mức 6,3-6,5% và lạm phát đạt mức xung quanh 5%. Mặc dù đây là mức tăng trưởng thấp hơn so với mục tiêu đề ra (6,7%) nhưng là sự nỗ lực lớn của Chính phủ cũng như các Bộ, ngành trong điều hành nền kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động bất ngờ, khó lường (như Anh rời khỏi Châu Âu-Brexit, Donald Trump thắng cử Tổng thống Mỹ...) cũng như những tác động tiêu cực của thiên tai, biến đổi khí hậu (hạn hán ở miền Nam) và sự cố môi trường ở miền Trung...

Năm 2016, hoạt động điều hành chính sách kinh tế vĩ mô là linh hoạt, kịp thời và phù hợp, đặc biệt có sự kết nối tốt thông tin giữa các nhà hoạch định chính sách với thị trường và doanh

nh nghiệp. Các giải pháp về cải thiện môi trường kinh doanh, cải cách hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp, khuyến khích khởi nghiệp, tăng cường hội nhập quốc tế... đang tạo ra niềm tin và sự hứng khởi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Có thể khẳng định, kinh tế vĩ mô năm 2016 của Việt Nam là ổn định nhưng vẫn tiếp tục chứa đựng nhiều rủi ro cả bên trong và bên ngoài như tính bất định, khó lường và khó dự đoán của bối cảnh quốc tế về chính trị, kinh tế, ngoại giao; biến đổi khí hậu và tai biến thiên nhiên; những vấn đề trong nước như nợ xấu và nợ công cao, năng lực doanh nghiệp và ngân hàng yếu kém, môi trường kinh doanh chưa hoàn thiện...

3. Triển vọng kinh tế năm 2017 và hàm ý cho Việt Nam

3.1. Kinh tế thế giới

Năm 2017, kinh tế thế giới sẽ tiếp tục diễn biến khó lường. Kinh tế Mỹ cùng sự tăng trưởng và phát triển của khu vực châu Á - Thái Bình Dương dự báo vẫn là điểm tựa thúc đẩy kinh tế thế giới vượt qua thách thức với kỳ vọng sẽ đạt mức tăng trưởng toàn cầu 3,4% (IMF, 10/2016). Với xu hướng tiếp tục tăng về giá cả các hàng hóa và với đà tăng giá dầu thế giới như kỳ vọng, lạm phát toàn cầu năm 2017 dự báo có thể tăng lên 4%. Với quyết định nâng lãi suất của FED (3 lần trong năm 2017), đồng USD dự kiến sẽ vẫn tăng giá nhẹ so với các đồng tiền mạnh khác trong vài tháng đầu năm 2017.

Trước những bất ổn và khó khăn về kinh tế và thương mại thế giới diễn ra trong năm 2016, thương mại toàn cầu năm 2017 có khả năng tiếp tục trì trệ. Ngoài ra, sự việc Hanjin Shipping - hãng tàu lớn nhất Hàn Quốc phải nộp đơn xin bảo hộ phá sản tại hơn 40 quốc gia đã gây xáo trộn hoạt động thương mại toàn cầu. Do đó, đây cũng là một sự việc tiếp tục ảnh hưởng xấu đến thương mại toàn cầu năm 2017.

Đối với lĩnh vực đầu tư, UNCTAD (2016) dự báo FDI toàn cầu sẽ phục hồi vào năm 2017 và có thể vượt mốc 1,8 nghìn tỷ USD vào năm 2018.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2017 cũng sẽ phải đối mặt với các cản trở như bất ổn về chính trị (sự kiện Anh rời Châu Âu, những thay đổi chính sách của Tổng thống Mỹ mới đắc cử Donald Trump); Trung Quốc tăng trưởng chậm lại, nợ và nợ xấu tăng cao; các nền kinh tế phát triển vẫn khó có thể thoát khỏi tình trạng lãi suất âm và giảm phát.

3.2. Kinh tế Việt Nam

Về kinh tế Việt Nam trong năm 2017, tăng trưởng dự báo cũng chỉ trong khoảng 6-6,5%. Lý do là xuất khẩu chưa có khả năng bứt phá khi tăng trưởng của Mỹ vẫn chỉ ở mức 2% (thế giới ở mức 3,4%) và thương mại thế giới được dự báo là tiếp tục trì trệ (xu hướng tăng trưởng thương mại thế giới thấp hơn tăng trưởng kinh tế bắt đầu từ năm 2015 là một xu hướng rất đáng lo ngại và đây có thể là dấu hiệu của việc thương mại thế giới đang bắt đầu có sự thay đổi căn bản dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0).

Đầu tư nước ngoài khả năng cũng không có đột biến khi TPP bị trì hoãn hoặc không được ký. Nợ xấu và nợ công, lãi suất ở mức cao sẽ hạn chế đầu tư tư nhân và đầu tư công. Đầu tư công giải ngân chậm vì các quy định chặt chẽ hơn để tránh lãng phí, thất thoát. Giá có thể giảm trong thời gian tới và khiến ngành khai khoáng chưa thể phục hồi. Nông nghiệp khả năng không bị thiên tai như năm 2016 nhưng đây là ngành tăng trưởng thấp, tỷ trọng thấp nên ảnh hưởng không nhiều. Quan trọng nhất là công nghiệp, nhưng với việc ngành này hiện chỉ tăng 7,3% trong 12 tháng qua thì chưa có gì để bứt phá. Mục tiêu tăng trưởng 6,7% là rất thách thức.

Mục tiêu lạm phát 4% (tính theo cách tính mới là mức lạm phát trung bình năm) cũng là một mục tiêu thách thức nếu giá cả các dịch vụ công tăng nhanh, mạnh và giá năng lượng tăng trở lại.

Khi kinh tế tăng trưởng chưa cao, nhập khẩu sẽ tăng chậm và vì vậy khả năng Việt Nam sẽ tiếp tục xuất siêu, hoặc cán cân thương mại cân bằng. Đây là điều kiện để ổn định tỷ giá.

Lãi suất năm 2017 sẽ khó giảm vì áp lực của lạm phát và nợ xấu vẫn chưa được giải quyết triệt để. Nếu không giải quyết triệt để vấn đề nợ xấu, sẽ không thể giảm lãi suất và khó có thể thúc đẩy tăng trưởng nhanh.

3.3. Một số gợi ý chính sách cho Việt Nam

Cả hai mục tiêu về lạm phát (4%) và tăng trưởng (6,7%) đều mang tính thách thức do các yếu tố bất lợi trong và ngoài nước. Do vậy, bên cạnh các giải pháp đang được thực hiện, đòi hỏi quyết tâm cao và hành động phải rất thực tế, quyết liệt (quyết liệt triển khai và tăng cường giám sát, đánh giá). Trong đó, cần tập trung vào những giải pháp sau:

Thứ nhất, cần đưa ra các kịch bản khác nhau đối với quản lý tỷ giá hối đoái, mục tiêu là ổn định nhưng linh hoạt và chủ động, sẵn sàng trong những tình huống xấu nhất. Lý do: (i) Bên ngoài: Đôla Mỹ tăng giá và dòng vốn quay về Mỹ do FED tăng lãi suất; thương mại thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm; Mỹ và các nước Châu Âu tăng trưởng ở mức vừa phải; các nước gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại, kể cả phá giá đồng nội tệ...; 20 năm sau khủng hoảng tài chính-tiền tệ Châu Á 1997-1998 vẫn cho thấy khủng hoảng về tỷ giá sẽ châm ngòi cho khủng hoảng tiền tệ và ngân hàng... (ii) Trong nước: Giảm kỳ vọng do việc thông qua TPP có thể bị hủy bỏ hoặc trì hoãn; tình trạng đôla hóa và tâm lý tìm nơi trú ẩn an toàn (USD) khi bất ổn vĩ mô xảy ra; lạm phát có xu hướng tăng; nợ công (dự báo đạt 64,98% năm 2016 và 64,8% năm 2017, nếu tăng trưởng đạt mục tiêu, trong khi giới hạn là 65%; 43% nợ công tính đến ngày 31/12/2015 là nợ nước ngoài, trong đó 44% nợ bằng USD) và nợ xấu cao cùng với sự yếu kém của hệ thống ngân hàng...

Ngân hàng Nhà nước cần điều hành tín dụng theo hướng kiểm soát tăng trưởng tín dụng hợp lý, cần thận trọng với việc kiểm soát chính sách cung tiền ở mức phù hợp nhằm tránh nguy cơ tiềm ẩn rủi ro lạm phát có thể gia tăng. Trước áp lực về việc FED tăng lãi suất và đồng USD có xu hướng tăng giá so với hầu hết các đồng tiền mạnh khác, Ngân hàng Nhà nước cần thực hiện đồng bộ các biện pháp và công cụ

chính sách tiền tệ, sẵn sàng sử dụng nguồn dự trữ ngoại hối để kịp thời can thiệp vào thị trường ngoại tệ, nhằm ổn định tỷ giá trong biên độ cho phép. Tuy nhiên, việc điều hành tỷ giá cần tiếp tục chủ động, linh hoạt theo tín hiệu thị trường, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô nhằm đảm bảo cân đối bên trong và bên ngoài của nền kinh tế. Phương thức điều hành “tỷ giá bò trườn” (Crawling Peg) với biên độ giao động hiện nay là phù hợp và nên đặt mục tiêu không quá 2-3% năm (0,2-0,3%/tháng).

Thứ hai, cần tiếp tục quyết liệt thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là công bố chương trình hành động của các Bộ, ngành và tăng cường giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết trên thực tế. Những vấn đề liên quan đến các ưu đãi đối với doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước cần được kiểm soát chặt chẽ nhằm tăng cường tỷ trọng thương mại của doanh nghiệp trong nước. Đồng thời, cần tiếp tục có sự tiếp sức về chính sách của Chính phủ, đẩy nhanh tiến độ xây dựng Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đặc biệt là hỗ trợ về nguồn vốn.

Thứ ba, cần tiếp tục quyết liệt thực hiện Nghị quyết 19/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh, trong đó đặc biệt là giảm bớt các hoạt động chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra và tần suất của thanh tra, kiểm tra; rà soát và kiểm tra lại thông tin các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn tiếp tục tiếp cận vốn khó khăn do không có tài sản thế chấp (40% doanh nghiệp siêu nhỏ; 74% doanh nghiệp quy mô vừa và 81% doanh nghiệp lớn theo điều tra của VCCI); triệt để chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái...

Thứ tư, cần đẩy mạnh các hoạt động thuận lợi hóa thương mại trong khuôn khổ các hiệp định thương mại đã được ký kết, đặc biệt là với ASEAN, cụ thể như cơ chế Hải quan một cửa ASEAN, đánh giá việc thực hiện cơ chế này bởi sự phối hợp của các Bộ như Bộ Kế hoạch Đầu tư, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Y tế...). Cần chủ động thực hiện các biện pháp, chính sách để cân bằng cán cân thương mại với Mỹ. Hiện nay, thặng dư thương mại với Mỹ cao không phải là

điều tốt cho quan hệ thương mại lâu dài. Việt Nam nên chủ động phát triển thị trường nhập khẩu hàng hóa Mỹ để nâng cao năng lực sản xuất trong nước, đồng thời gắn kết sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Thêm vào đó, sự nhanh chóng, minh bạch trong thông tin, đặc biệt là những ưu đãi liên quan đến các FTA mới được ký kết cần được phổ biến rộng rãi đến cộng đồng doanh nghiệp.

Thứ năm, để giảm bội chi ngân sách Nhà nước và tăng cường đảm bảo an ninh tài chính quốc gia, cần giám sát việc vay, sử dụng vốn vay và trả nợ của chính quyền địa phương và các quỹ đầu tư có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước, kiểm soát chặt chẽ các khoản vay nước ngoài của các doanh nghiệp nhà nước.

Thứ sáu, tuy chưa có hiệu lực, song hiệp định TPP đã tạo hiệu ứng khá mạnh về dịch chuyển các dòng vốn đầu tư quốc tế hướng vào khu vực TPP. Đây là cơ hội thuận lợi để Việt Nam thúc đẩy thu hút FDI từ các nước trong và ngoài khu vực TPP. Ngay cả trong trường hợp TPP đóng băng hay chậm trễ thì Việt Nam vẫn cần thể hiện quyết tâm cải cách môi trường đầu tư theo hướng cam kết TPP; và do đó khả năng thu hút FDI trong trung và dài hạn được dự báo vẫn gia tăng.

Thứ bảy, đầu tư cơ sở hạ tầng ngày càng thu hút sự quan tâm của nhiều tổ chức quốc tế, các quốc gia và doanh nhân quốc tế. Đây là điểm thuận lợi mà Việt Nam cần tranh thủ huy động các nguồn vốn mới từ bên ngoài để phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là vốn mới từ các tổ chức tài chính đa phương và các nhà đầu tư nước ngoài. Muốn vậy, Việt Nam cần chủ động: (i) Rà soát, đề xuất các dự án cơ sở hạ tầng khả thi, phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội để vận động, tranh thủ các nguồn vốn mới cho cơ sở hạ tầng từ các tổ chức tài chính đa phương cũng như trong các khuôn khổ liên kết, hợp tác khu vực, tiểu vùng và song phương; (ii) Hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế chính sách về hợp tác đối tác công - tư (PPP) nhằm tạo môi trường đủ sức hấp dẫn để thu hút doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào cơ sở hạ tầng.

Thứ tám, cần rà soát lại cách thức huy động vốn của một số doanh nghiệp tư nhân lớn kinh doanh bất động sản và cho vay tiêu dùng của các ngân hàng (liên quan đến bất động sản) để đề phòng trường hợp các doanh nghiệp này không bán được sản phẩm, dẫn đến nợ xấu ngân hàng gia tăng và các rủi ro khó lường khác.

Thứ chín, bên cạnh việc cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, khuyến khích khởi nghiệp..., cần tính đến việc xây dựng những chính sách phát triển ngành chủ động hơn, bắt nhịp với xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới như cách mạng công nghệ 4.0 (ngành du lịch, nông nghiệp công nghệ cao...).

Thứ mười, các doanh nghiệp cần chủ động nắm bắt thông tin về các ưu đãi từ các FTA, đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu, giảm bớt sự phụ thuộc vào Trung Quốc nói riêng và các nước Đông Á nói chung. Với những triển vọng lạc quan về khả năng ký kết chính thức Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU vào năm 2018, trước mắt cần tập trung vào thị trường EU, tìm hiểu để thâm nhập các thị trường ngách trong EU và kết nối thương mại với các nước đối tác FTA của EU. Đặc biệt, các doanh nghiệp nhập khẩu cần có kế hoạch phòng ngừa rủi ro tỷ giá hợp lý cũng như cố gắng giữ uy tín về chất lượng sản phẩm để có thể duy trì và phát triển thị phần ở Nhật Bản và EU trong bối cảnh VND đang có xu hướng tăng giá so với Yên Nhật Bản và đồng Euro.

Tài liệu tham khảo

- [1] IMF, "Uncertainty in the Aftermath of the U.K. Referendum", World Economic Outlook, Washington D.C, 2016.
- [2] IMF, World Economic Outlook: Uneven Growth Short-and Long-term Factors, April 2015.
- [3] IMF, World Economic Outlook October 2016, Washington D.C, 2016b.
- [4] WB, Global Economic Prospects: Having Fiscal Space and Using it, January 2015.
- [5] WB, Global Economic Prospects: Divergence and Risks, Washington D.C, 2016d
- [6] WTO, Monthly trade data, Geneva, 2016a.
- [7] WTO, World Trade Statistical Review 2016, Geneva, 2016b.
- [8] Tổng cục Hải quan, "Nhập khẩu hàng hóa tháng 11/2016", 2016a.
- [9] Tổng cục Hải quan, "Nhập khẩu hàng hóa từ một số nước/vùng lãnh thổ chia theo mặt hàng chủ yếu tháng 11/2016", 2016b.
- [10] Tổng cục Hải quan, "Xuất khẩu hàng hóa tháng 11/2016", 2016c.
- [11] Tổng cục Hải quan, "Xuất khẩu hàng hóa từ một số nước/vùng lãnh thổ chia theo mặt hàng chủ yếu tháng 11/2016", 2016d.
- [12] Tổng cục Thống kê, Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2016, <https://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=382&ItemID=16066>
- [13] Cục Đầu tư Nước ngoài, <http://fia.mpi.gov.vn/tinbai/5171/Tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-11-thang-nam-2016> (truy cập ngày 5/12/2016)
- [14] Báo cáo Khai mạc kỳ họp Quốc hội khóa XIII (2015), Tạp chí Kinh tế và dự báo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, <http://kinhtevadubao.vn/chi-tiet/2-4326-khai-mac-ky-hop-thu-10-quoc-hoi-khoa-xiii.html> (truy cập ngày 30/11/2016).
- [15] Báo cáo Tình hình kinh tế- xã hội 11 tháng năm 2016, Tổng cục Thống kê, <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=16138> (truy cập ngày 30/11/2016).

The World and Vietnamese Economy in 2016, Prospects for 2017 and Some Policy Implications for Vietnam

Nguyen Hong Son, Nguyen Cam Nhung,
Vu Thanh Huong, Nguyen Thi Minh Phuong

*VNU University of Economics and Business,
144 Xuan Thuy Str., Cau Giay Dist., Hanoi, Vietnam*

Abstract: This paper provides the "overall picture" overview of the macroeconomic situation of the world and Vietnam in 2016 and an outlook for 2017, and then gives some policy implications for Vietnam. With the unpredictable trend of the global economy and the existing domestic difficulties, Vietnam should have flexible response solutions, especially solutions for exchange rate management, strong determination and drastic action in fact to be able to achieve the objectives for growth and inflation as outlined; to continue to promote the improvement of business environment and strong performance solutions support businesses towards more transparent and equitable; to promote the trade facilitation and take advantage of new opportunities to attract foreign investment to build infrastructure; enterprises need to diversify their export markets, reducing their reliance on China and East Asia, focusing on the EU market, learn to penetrate niche markets in the EU and the trade connections with all countries of the EU FTA partners. Besides, it is also necessary to make a more active industrial policy to take advantage of the new opportunities for development of the world economy.

Keywords: Economic growth, inflation, monetary, trade, investment.